

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
FPT CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 61/FPT-FCC

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020
Hanoi, March 5th, 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần FPT/ *FPT Corporation*
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: FPT/ *FPT*
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 17 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội/ *17 Duy Tan Street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Distric, Hanoi*
- Điện thoại/ *Telephone*: 024. 7300 7300
- Fax: 024. 3768 7410
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Bà Bùi Nguyễn Phương Châu/ *Ms. Bui Nguyen Phuong Chau*
Chức vụ/ *Position*: Giám đốc Truyền thông FPT/ *FPT's Chief Communications Officer*

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*): Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019/ *Audited Separate Financial Statements and Audited Consolidated Financial Statements of 2019.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/03/2020 tại đường dẫn: <http://fpt.com.vn/vi/nhadautu/cong-bo-thong-tin>.
This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date March 5th, 2020 available at: <https://fpt.com.vn/en/ir/information-disclosure>.



Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/*Attachment*: Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019/*Audited Separate Financial Statements and Audited Consolidated Financial Statements of 2019.*

Đại diện tổ chức 

Organization representative

Người CBTT/*Party to disclose information*



Bùi Nguyễn Phương Châu

Nơi nhận/Recipient:

- Nhu trên/*As above:*
- Lưu/*Archived by:* VT, FCC/*Admin, FCC*





CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Jean Charles Belliol	Ủy viên
Ông Lê Song Lai	Ủy viên
Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên
Ông Dan E Khoo	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Bùi Quang Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Cao Bảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019)
Ông Hoàng Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 63/2019/QĐ-FPT-TGD
ngày 29 tháng 3 năm 2019

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Số: 0512 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2020, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.283.157.223.963	3.950.524.016.425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	720.832.090.017	1.028.875.665.356
1. Tiền	111		334.832.090.017	203.875.665.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		386.000.000.000	825.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.526.500.000.000	1.743.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.526.500.000.000	1.743.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.013.646.698.994	1.148.997.297.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	82.736.052.341	131.485.453.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	54.744.072.487	75.775.137.683
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	27.000.000.000	48.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	860.989.278.890	904.199.706.087
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.822.704.724)	(10.963.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		37.367.253	181.147.253
1. Hàng tồn kho	141		37.367.253	181.147.253
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.141.067.699	29.469.906.716
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.119.551.836	8.407.028.221
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.986.713.235	21.028.075.867
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	34.802.628	34.802.628
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.022.489.548.928	6.151.516.292.720
I. Tài sản cố định	220		146.855.224.517	79.901.500.337
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	137.675.979.566	64.758.165.082
- Nguyên giá	222		293.931.450.901	212.352.634.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.255.471.335)	(147.594.469.893)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.179.244.951	15.143.335.255
- Nguyên giá	228		73.932.991.892	77.789.991.892
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.753.746.941)	(62.646.656.637)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.050.346.964.578	796.443.112.117
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.050.346.964.578	796.443.112.117
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.822.613.409.012	5.272.613.409.012
1. Đầu tư vào công ty con	251	5, 13	5.329.613.409.012	4.779.613.409.012
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5, 14	492.500.000.000	492.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	500.000.000	500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.673.950.821	2.558.271.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.673.950.821	2.558.271.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.305.646.772.891	10.102.040.309.145

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
 Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.621.704.112.496	1.068.438.706.363
I. Nợ ngắn hạn	310		1.371.611.362.496	1.068.438.706.363
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	284.069.594.062	210.736.755.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		415.359.606	505.359.606
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.016.234.712	4.672.010.155
4. Phải trả người lao động	314		6.616.863	2.686.194
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	48.517.203.398	38.119.024.140
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.037.282.677	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	354.500.401.876	241.635.921.451
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	597.000.000.000	530.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		20.368.500.000	14.217.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.680.169.302	28.549.949.302
II. Nợ dài hạn	330		250.092.750.000	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	250.092.750.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.683.942.660.395	9.033.601.602.782
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	9.683.942.660.395	9.033.601.602.782
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.783.586.880.000	6.136.367.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.783.586.880.000	6.136.367.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.941.441.360	49.941.441.360
3. Cổ phiếu quỹ	415		(823.760.000)	(823.760.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.009.261	103.009.261
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		87.203.093.024	87.203.093.024
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.763.931.996.750	2.760.810.099.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.527.643.010.297	2.203.926.850.682
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.236.288.986.453	556.883.248.455
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.305.646.772.891	10.102.040.309.145

Trần Khương
 Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN


Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	287.216.908.624	265.724.099.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	11.915.344	4.209.804.435
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	287.204.993.280	261.514.295.256
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	94.889.359.725	106.074.366.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		192.315.633.555	155.439.928.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.107.370.302.786	1.357.839.245.972
7. Chi phí tài chính	22	26	51.489.613.035	36.439.308.955
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.462.109.416	32.537.002.190
8. Chi phí bán hàng	25		3.174.519.314	4.565.276.713
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	311.955.905.169	288.793.958.191
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.933.065.898.823	1.183.480.630.965
11. Thu nhập khác	31		1.965.907.629	4.527.288.786
12. Chi phí khác	32		8.258.078.455	86.647.043
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.292.170.826)	4.440.641.743
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.926.773.727.997	1.187.921.272.708
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	12.208.429.544	17.483.628.253
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.914.565.298.453	1.170.437.644.455


Trần Khương
Người lập biểu


Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.926.773.727.997	1.187.921.272.708
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	19.964.873.678	15.283.602.932
Các khoản dự phòng	03	7.011.204.724	13.831.287.133
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	823.406.129	1.020.732.929
Chi phí lãi vay	05	(2.100.548.849.731)	(1.342.644.405.411)
Chi phí lãi vay	06	51.462.109.416	32.537.002.190
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(94.513.527.787)	(92.050.507.519)
Giảm các khoản phải thu	09	169.078.665.699	282.935.337.184
Giảm hàng tồn kho	10	143.780.000	117.400.000
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	441.004.502.508	(146.466.900.866)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	6.171.796.818	(19.250.134.686)
Tiền lãi vay đã trả	14	(45.972.542.507)	(34.105.964.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.457.758.065)	(62.737.419.509)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	74.204.050.000	31.200.253.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(38.073.829.999)	(15.774.699.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	495.585.136.667	(56.132.636.491)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(349.033.283.112)	(394.466.758.336)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.764.181.818	76.824.733
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.547.200.000.000)	(3.456.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.785.200.000.000	4.394.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(550.000.000.000)	(900.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	90.606.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.961.344.758.181	1.153.445.378.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	392.681.656.887	797.455.444.397

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
 Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
 Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.672.000.000	26.545.560.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.689.000.000.000	2.096.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.622.000.000.000)	(1.966.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.294.140.941.400)	(1.412.523.727.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.196.468.941.400)	(1.255.978.167.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(308.202.147.846)	(514.655.359.869)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.028.875.665.356	1.543.531.025.225
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	158.572.507	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	720.832.090.017	1.028.875.665.356

Trần Khương
 Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") ban đầu là một công ty Nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 6 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 6.783.586.880.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 216 người (31 tháng 12 năm 2018 là 190 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; sản xuất các sản phẩm công nghệ; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần FPT có 6 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT; và
- Công ty TNHH Đầu tư FPT.

Và 2 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT; và
- Công ty Cổ phần Synnex FPT.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	4 - 6
Tài sản khác	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của

Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	523.074.013	539.067.633
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	334.309.016.004	203.336.597.723
Các khoản tương đương tiền (i)	386.000.000.000	825.000.000.000
	<u>720.832.090.017</u>	<u>1.028.875.665.356</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.526.500.000.000	2.526.500.000.000	1.743.000.000.000	1.743.000.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Ghi chú	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1) Đầu tư vào công ty con	5.329.613.409.012	11.828.246.911.595		4.779.613.409.012	11.304.358.703.371
<i>Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT</i>	<i>850.000.000.000</i>	<i>1.271.323.740.373</i>	(i)	<i>850.000.000.000</i>	<i>1.087.103.578.387</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư FPT</i>	<i>800.000.000.000</i>	<i>909.072.750.414</i>	(i)	<i>800.000.000.000</i>	<i>953.170.272.644</i>
<i>Công ty TNHH Giáo dục FPT</i>	<i>600.000.000.000</i>	<i>876.363.953.331</i>	(i)	<i>450.000.000.000</i>	<i>642.454.500.452</i>
<i>Công ty TNHH Phần mềm FPT</i>	<i>2.412.073.500.000</i>	<i>3.365.656.284.576</i>	(i)	<i>2.012.073.500.000</i>	<i>2.900.034.457.168</i>
<i>Công ty Cổ phần Viễn thông FPT</i>	<i>585.592.515.312</i>	<i>4.962.845.430.900</i>	(ii)	<i>585.592.515.312</i>	<i>5.255.020.446.800</i>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT</i>	<i>81.947.393.700</i>	<i>442.984.752.000</i>	(ii)	<i>81.947.393.700</i>	<i>466.575.447.920</i>
b2) Đầu tư vào công ty liên kết	492.500.000.000	1.710.424.837.234		492.500.000.000	3.084.846.199.961
<i>Công ty Cổ phần Synnex FPT</i>	<i>398.500.000.000</i>	<i>936.753.137.234</i>	(i)	<i>398.500.000.000</i>	<i>786.922.199.961</i>
<i>Công ty Cổ phần Bản lẻ Kỹ thuật số FPT</i>	<i>94.000.000.000</i>	<i>773.671.700.000</i>	(ii)	<i>94.000.000.000</i>	<i>2.297.924.000.000</i>
b3) Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000
<i>Dự án xây dựng đường vành đai 4</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>	(i)	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được trình bày trên đây là thận trọng và tối thiểu có thể đạt được.

- (i) Giá trị tối thiểu có thể đạt được trên cơ sở giá trị sổ sách hoặc các định giá tương ứng theo giá trị thị trường của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii) Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Năm nay

Năm trước

b4) Tình hình hoạt động của các Công ty con trong năm:

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật BERJAYA Gia Thịnh	44.947.786.921	78.916.560.457
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	15.366.524.127	34.934.927.551
Công ty TNHH Phần mềm FPT	14.274.687.281	11.961.489.787
Các khách hàng khác	8.147.054.012	5.672.475.535
	82.736.052.341	131.485.453.330
Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	35.877.180.676	52.144.151.451

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng (i)	28.722.375.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (i)	14.533.886.940	72.489.748.706
Công ty Cổ phần Tường kính TID (i)	9.744.768.686	-
Nhà cung cấp khác	1.743.041.861	3.285.388.977
	54.744.072.487	75.775.137.683

- (i) Phản ánh khoản trả trước cho dự án Tòa nhà FPT Tower.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ FPT	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty TNHH Bất động sản FPT	9.500.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	-	20.000.000.000
	27.000.000.000	48.500.000.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay nội bộ có thời hạn trên ba tháng và dưới một năm theo lãi suất ngân hàng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận chuyển về phải thu công ty con	510.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu về lãi cho vay và tiền gửi	88.665.255.547	53.021.582.020
Ký cược, ký quỹ	4.634.837.367	4.635.071.541
Phải thu khác	257.689.185.976	446.543.052.526
- Công ty TNHH Đầu tư FPT	40.921.089.055	144.777.571.255
- King's Eye Investments Limited	-	90.606.000.000
- Khác	216.768.096.921	211.159.481.271
	860.989.278.890	904.199.706.087
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	234.519.334.038	335.904.473.801

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	94.646.794.786	46.694.366.435	59.937.012.348	10.697.570.455	376.890.951	212.352.634.975
Tăng trong năm	-	283.394.993	4.625.380.335	7.464.520.000	-	12.373.295.328
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.364.632.293	-	-	-	-	75.364.632.293
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.946.721.482)	(140.390.213)	-	-	(6.087.111.695)
Giảm khác	-	-	(72.000.000)	-	-	(72.000.000)
Số dư cuối năm	170.011.427.079	41.031.039.946	64.350.002.470	18.162.090.455	376.890.951	293.931.450.901
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	47.765.440.393	46.628.738.191	48.308.113.111	4.515.287.247	376.890.951	147.594.469.893
Khấu hao trong năm	5.974.369.081	84.564.432	6.485.195.908	2.239.180.265	-	14.783.309.686
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.946.721.482)	(103.784.022)	-	-	(6.050.505.504)
Giảm khác	-	-	(71.802.740)	-	-	(71.802.740)
Số dư cuối năm	53.739.809.474	40.766.581.141	54.617.722.257	6.754.467.512	376.890.951	156.255.471.335
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	46.881.354.393	65.628.244	11.628.899.237	6.182.283.208	-	64.758.165.082
Tại ngày cuối năm	116.271.617.605	264.458.805	9.732.280.213	11.407.622.943	-	137.675.979.566

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 101.022.214.728 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 104.306.723.441 VND).

Một số tầng của tòa nhà FPT Cầu Giấy phản ánh trong khoản mục "Nhà cửa và vật kiến trúc" đang được các công ty con thuê, sử dụng làm văn phòng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	77.789.991.892
Mua mới trong năm	7.391.503.030
Thanh lý, nhượng bán	(11.248.503.030)
Số dư cuối năm	73.932.991.892
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	62.646.656.637
Khấu hao trong năm	5.181.563.992
Thanh lý, nhượng bán	(3.074.473.688)
Số dư cuối năm	64.753.746.941
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	15.143.335.255
Tại ngày cuối năm	9.179.244.951

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 58.935.631.560 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 58.377.996.560 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Tòa nhà FPT Tower	978.819.494.856	712.296.937.417
Dự án Trường Đại học FPT	70.617.064.125	83.186.174.700
Khác	910.405.597	960.000.000
	1.050.346.964.578	796.443.112.117

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (trực tiếp và gián tiếp)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Tầng 22, tòa nhà Keangnam Landmark 72, E6, Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ ERP, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (I)	Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	45,65%	45,65%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (trực tiếp và gián tiếp)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	Lô L 29B-31B-33B, đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	49,48%	84,09%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần FPT sở hữu 45,65% phần vốn (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 45,65%) và nắm giữ 45,65% quyền biểu quyết (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 45,65%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó, có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Công ty có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, và Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được coi là công ty con của Công ty.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Synnex FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	48,00%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Số 261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	46,53%	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Giáo dục FPT	165.061.678.160	94.134.808.494
Tổng Công Ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	68.547.916.274	14.663.436.546
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	27.057.527.104	53.836.619.119
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	7.272.024.339	4.789.346.002
Công ty TNHH Phần mềm FPT	42.208.742	20.423.793.186
Khác	16.088.239.443	22.888.752.168
	284.069.594.062	210.736.755.515
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	199.558.938.345	173.184.566.801

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế nhập khẩu	34.802.628	-	-	34.802.628
	34.802.628	-	-	34.802.628
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.293.172	73.824.398.012	73.823.848.012	2.843.172
- Thuế GTGT đầu ra	1.000	73.824.398.012	73.823.848.012	551.000
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.292.172	-	-	2.292.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.554.052.096	12.208.429.544	16.457.758.065	(695.276.425)
Các loại thuế khác	1.115.664.887	45.524.681.521	44.931.678.443	1.708.667.965
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.018.651.702	39.293.933.908	38.659.937.428	1.652.648.182
Thuế khác	97.013.185	6.226.747.613	6.267.741.015	56.019.783
	4.672.010.155	131.557.509.077	135.213.284.520	1.016.234.712

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước phải trả công nhân viên	32.589.235.656	28.042.000.000
Lãi vay phải trả	14.926.369.690	7.423.687.349
Các khoản khác	1.001.598.052	2.653.336.791
	48.517.203.398	38.119.024.140

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	9.020.195.164	6.361.804.702
Bảo hiểm xã hội	303.663.013	302.118.355
Bảo hiểm y tế	71.710.826	70.820.933
Bảo hiểm thất nghiệp	17.282.656	18.179.683
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	553.000.000	523.000.000
Phải trả tiền cổ tức	8.705.049.648	7.948.083.048
Phải trả qua tài khoản tập trung	328.385.314.580	219.761.640.088
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	214.321.178.272	113.958.310.720
- Công ty TNHH Giáo dục FPT	69.907.799.626	14.803.335.226
- Công ty TNHH Đầu tư FPT	23.969.178.301	78.729.391.477
- Công ty TNHH Phần mềm FPT	15.041.143.314	6.097.062.398
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	2.993.176.666	3.140.042.971
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	2.152.838.401	3.033.497.296
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.444.185.989	6.650.274.642
	354.500.401.876	241.635.921.451

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu nhận trước (i)	250.092.750.000	-
	250.092.750.000	-

(i) Doanh thu nhận trước phản ánh tiền cho thuê văn phòng.

12
N
N
.O
.T
DA
11

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Giá trị	Số đầu năm	Tăng	Trong năm	Giá trị	Số cuối năm
		VND		VND		VND
		Số có khả năng trả nợ		Giảm		Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Giáo dục FPT	330.000.000.000	330.000.000.000	600.000.000.000	800.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	200.000.000.000	200.000.000.000	1.060.000.000.000	1.060.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	-	-	830.000.000.000	610.000.000.000	220.000.000.000	220.000.000.000
- Công ty TNHH Phần mềm FPT	-	-	185.000.000.000	150.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư FPT	-	-	14.000.000.000	2.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	530.000.000.000	530.000.000.000	2.689.000.000.000	2.622.000.000.000	597.000.000.000	597.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn dưới 01 năm, không có tài sản đảm bảo và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	5.309.611.050.000	49.941.441.360	(823.760.000)	87.203.093.024	103.009.261	3.804.437.888.182	9.250.472.721.827
Phát hành cổ phiếu	26.545.560.000	-	-	-	-	-	26.545.560.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.170.437.644.455	1.170.437.644.455
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	800.211.110.000	-	-	-	-	(800.211.110.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(1.413.854.323.500)	(1.413.854.323.500)
Số dư đầu năm nay	6.136.367.720.000	49.941.441.360	(823.760.000)	87.203.093.024	103.009.261	2.760.810.099.137	9.033.601.602.782
Phát hành cổ phiếu	30.672.000.000	-	-	-	-	-	30.672.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.914.565.298.453	1.914.565.298.453
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	616.547.160.000	-	-	-	-	(616.547.160.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(1.294.897.908.000)	(1.294.897.908.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	1.667.160	1.667.160
Số dư cuối năm nay	6.783.586.880.000	49.941.441.360	(823.760.000)	87.203.093.024	103.009.261	2.763.931.996.750	9.683.942.660.395

(i) Trong năm, Công ty đã phát hành 61.654.716 cổ phiếu để trả cổ tức 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

Cổ tức

Ngày 29 tháng 03 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2018 với tỷ lệ 10% (10 cổ phần hiện hữu được chia thêm 01 cổ phần mới); trả cổ tức đợt 2 năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (1.000 VND/cổ phiếu).

Ngày 30 tháng 07 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá (1.000 VND/cổ phiếu).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Vốn cổ phần được phê duyệt	678.358.688	613.636.772
Cổ phiếu đã phát hành	678.358.688	613.636.772
Cổ phiếu phổ thông	678.358.688	613.636.772
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao</i>	<i>10.072.368</i>	<i>9.160.857</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	(82.376)	(82.376)
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	678.276.312	613.554.396
Cổ phiếu phổ thông	678.276.312	613.554.396
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao</i>	<i>10.072.368</i>	<i>9.160.857</i>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

22. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.216.908.624	265.724.099.691
	287.216.908.624	265.724.099.691
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá dịch vụ	11.915.344	4.209.804.435
	11.915.344	4.209.804.435
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.204.993.280	261.514.295.256
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	217.370.081.645	164.992.897.403

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	94.889.359.725	106.074.366.404
	94.889.359.725	106.074.366.404

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân công	120.215.743.745	104.187.743.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.964.873.678	15.283.602.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.839.166.785	279.962.254.694
	<u>410.019.784.208</u>	<u>399.433.601.308</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	232.408.854.206	241.981.382.722
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	1.874.586.646.500	1.115.789.308.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	58.199.641	11.346.324
Doanh thu hoạt động tài chính khác	316.602.439	57.208.926
	<u>2.107.370.302.786</u>	<u>1.357.839.245.972</u>

(i) Thể hiện khoản cổ tức và lợi nhuận do các công ty con và công ty liên kết chuyển về.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	51.462.109.416	32.537.002.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.503.619	119.712.370
Chi phí tài chính khác	-	3.782.594.395
	<u>51.489.613.035</u>	<u>36.439.308.955</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	120.215.743.745	104.187.743.682
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.423.891.686	10.669.696.317
Chi phí khấu hao	19.964.873.678	15.283.602.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.176.846.487	139.147.919.890
Chi phí bằng tiền khác	59.174.549.573	19.504.995.370
	<u>311.955.905.169</u>	<u>288.793.958.191</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.684.902.291	17.865.478.201
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.523.527.253	(381.849.948)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.208.429.544	17.483.628.253

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.926.773.727.997	1.187.921.272.708
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.874.586.646.500)	(1.115.789.308.000)
<i>Khác</i>	(5.472.133.249)	(915.348.109)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.709.563.205	18.110.774.405
Thu nhập chịu thuế	53.424.511.453	89.327.391.004
<i>Thuế suất thông thường</i>	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.684.902.291	17.865.478.201

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Công ty con
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty con
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Công ty con
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Công ty con
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	Công ty con
Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ FPT	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Synnex FPT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Số dư các khoản cho vay		
Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ FPT	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty TNHH Bất động sản FPT	9.500.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	-	20.000.000.000
Số dư các khoản đi vay		
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	220.000.000.000	-
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	130.000.000.000	330.000.000.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT	35.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư FPT	12.000.000.000	-
Phải thu cổ tức, lợi nhuận công ty con chuyển về		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	380.000.000.000	300.000.000.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	130.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	15.366.524.127	34.934.927.551
Công ty TNHH Phần mềm FPT	14.274.687.281	11.961.489.787
Công ty TNHH Giáo dục FPT	3.644.594.896	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.171.665.126	2.703.490.636
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	1.104.145.960	854.544.378
Công ty Cổ phần Synnex FPT	292.339.376	1.689.699.099
Công ty TNHH Đầu tư FPT	23.223.910	-
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	142.044.288.335	139.641.223.675
Công ty TNHH Bất động sản FPT	51.553.956.648	51.485.678.871
Công ty TNHH Đầu tư FPT	40.921.089.055	144.777.571.255
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Giáo dục FPT	165.061.678.160	94.134.808.494
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	27.057.527.104	53.836.619.119
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	7.272.024.339	4.789.346.002
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	122.320.000	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	42.208.742	20.423.793.186
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	3.180.000	-
Phải trả qua tài khoản tập trung		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	214.321.178.272	113.958.310.720
Công ty TNHH Giáo dục FPT	69.907.799.626	14.803.335.226
Công ty TNHH Đầu tư FPT	23.969.178.301	78.729.391.477
Công ty TNHH Phần mềm FPT	15.041.143.314	6.097.062.398
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	2.993.176.666	3.140.042.971
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	2.152.838.401	3.033.497.296

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Góp vốn		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	400.000.000.000	700.000.000.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	150.000.000.000	200.000.000.000
Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	92.021.927.047	55.698.447.570
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	62.586.891.908	54.532.559.142
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	38.438.395.357	37.196.210.655
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	8.957.275.970	8.801.993.387
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	7.214.056.515	6.688.269.356
Công ty Cổ phần Synnex FPT	2.305.308.851	2.075.417.293
Công ty TNHH Giáo dục FPT	5.805.334.573	-
Công ty TNHH Đầu tư FPT	40.891.424	-
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	82.205.545.669	97.922.985.461
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	21.953.987.953	20.549.019.085
Công ty TNHH Giáo dục FPT	96.629.984.091	98.944.914.781
Công ty TNHH Phần mềm FPT	10.383.779.392	24.301.276.687
Công ty Cổ phần Synnex FPT	2.149.235.460	3.132.842.243
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	1.353.725.715	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	6.237.028.007	1.164.164.282
Cổ tức/Lợi nhuận kết chuyển về		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.300.000.000.000	794.000.000.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	330.000.000.000	208.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	103.242.052.000	103.242.052.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	80.862.296.000	10.547.256.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	31.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Synnex FPT	28.522.298.500	-
Lãi cho vay		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	7.144.958.381	1.776.972.802
Công ty TNHH Đầu tư FPT	273.916.665	3.850.213.127
Lãi đi vay		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	32.922.692.880	22.316.537.547
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	10.701.516.884	147.701.046
Công ty TNHH Giáo dục FPT	5.774.329.079	8.778.416.301
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.400.839.022	-
Công ty TNHH Đầu tư FPT	640.624.386	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	22.107.165	-
Công ty Cổ phần Synnex FPT	-	137.250.000

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 là 13.782.518.000 đồng (năm 2018 là 9.151.500.000 đồng).

30. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Nghị quyết số 01.02-2020/NQ-HĐQT/FPT của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 02 năm 2020 triển khai nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017 ngày 31 tháng 3 năm 2017 và phê duyệt Quy chế về Chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên có thành tích đóng góp trong năm 2019. Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 3.391.790 cổ phiếu.

Đồng thời, cũng theo Nghị quyết này, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Phần mềm FPT và Công ty TNHH Giáo dục FPT từ mức vốn hiện tại lên lần lượt là 2.800 tỷ VND và 1.000 tỷ VND.

Trần Khương
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2020

